

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 11/2021/HS-PT
Ngày: 20- 01- 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Thái Dũng**;

Các Thẩm phán: 1. Ông **Võ Thanh Bình**;

2. Ông **Lê Thanh Vân**;

Thư ký phiên tòa: Ông **La Tương Lai** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Hồ Minh Hiếu** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử Phúc thẩm công khai vụ án hình sự Phúc thẩm thụ lý số 125/2020/TLPT-HS ngày 08 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo Phạm Phúc T do có kháng cáo của bị cáo Phạm Phúc T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2020/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Phúc T, sinh ngày 28/5/2000, tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: Ấp 5, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Thợ xăm; Trình độ văn hóa: Lớp 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Phạm Thanh T1 và bà: Trần Thị Ngọc H; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày từ 03/01/2020 đến ngày 09/01/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, Bản án còn có bị cáo Phạm Thanh Đ, bị hại Lê Văn Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thanh N, Lê Thanh Phong không có kháng cáo. Bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn Đ, Phan Thanh N và Lê Văn Q có mối quen hệ bạn bè. Từ tháng 5/2019 đến tháng 7/2019, anh Lê Văn Q nhiều lần vay tiền của anh Phan văn N và anh Phạm Tấn S (anh ruột của Đ) nhưng không khả năng trả nợ.

Khoảng 16 giờ ngày 01/01/2020, Phan Thanh N tổ chức uống bia tại quán AND thuộc ấp M, xã M1 do N làm chủ, cùng tham gia có Phạm Thanh Đ, Phạm Phúc T, Trần Thanh P và 04 người bạn của N.

Đến 19 giờ cùng ngày, Đ rủ T và P đi đến thị xã C uống bia tiếp, Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 63S1 - 5263 của P chở Phạm Phúc T, Trần Thanh P điều khiển xe mô tô của Phan Thanh N đi cùng, khi đi ngang quán cà phê You and Me tại khu 3, thị xã C thì P chạy tới nói với Đ là nhìn thấy anh Q đang ngồi ở quán Ốc Chi cùng với anh Lê Tấn E và Phạm Minh T3.

Do Đ biết anh Q thiếu tiền của anh S và anh N không trả và tránh mặt nên Đ chở T quay lại gặp anh Q, Đ đậu xe ở lề đường gần chỗ bàn anh Q ngồi và kêu anh Q đi đến quán ADN nói chuyện nhưng anh Q không đi. Đ bước xuống xe đi đến chỗ anh Q ngồi dùng tay đánh và nắm tay anh Q dẫn ra xe mô tô T đang ngồi chờ và kêu T chở Q đến quán AND. Trên đường đi Đ tiếp tục hỏi Q “sao thiếu nợ không trả, bỏ trốn mà còn chặn số?”, T nghe được và biết mục đích Đ bắt anh Q đem về quán ADN giữ Q để buộc Q trả nợ nhưng vẫn tiếp tục chở Đ và anh Q đến quán.

Tại quán AND, N vẫn còn uống bia với nhóm bạn của N. Đ xô Q vào bên trong quán gần vị trí bàn tiệc và hỏi anh Q “sao thiếu tiền không trả?”, anh Q nói từ từ sẽ trả nên Đ dùng tay đánh trúng mặt anh Q làm anh Q té ngã, anh Q định bỏ chạy thì Đ ôm anh Q lại và nói “tao trói cho mày khỏi chạy luôn”, Đ lấy 01 đoạn dây dù có sẵn gần đó rồi cắt làm hai đoạn trói 02 tay và 02 chân của anh Q lại, vừa lúc này Đ nhìn thấy Lê Thanh Phong vào quán để uống bia nên Đ kêu Phong lấy cây; Phong lấy 01 cây tre trong quán dài khoảng 04 mét để phía sau lưng Đ, Đ lấy dao yếm bằng sắt chặt lấy 01 đoạn tre xỏ vào giữa 02 tay, 02 chân của anh Q đang bị trói và kêu Phong cùng khiêng anh Q đi ra trước quán rồi khiêng trở vào bên trong quán; Đ điện thoại cho Lê Tấn E kêu cha, mẹ anh Q đến nói chuyện; Đặng Văn Sĩ là em họ của anh Q cùng E và T3 đến quán năn nỉ Đ tha cho anh Q nhưng Đ không đồng ý; Đ tiếp tục cầm lấy 02 con dao để trên bàn tiệc gần chỗ anh Q đang ngồi đưa qua lại trước mặt anh Q nhằm đe dọa. Anh Sĩ chở bà Nguyễn Thị Út là mẹ của anh Q đến gặp Đ nói chuyện; Khi thấy anh Q bị trói, bà Út năn nỉ Đ cởi trói cho anh Q, Đ kêu bà Út trả nợ thay thì Đ sẽ tha cho anh Q nhưng anh Q có lời nói thách thức nên Đ dùng ghế nhựa đánh vào vai và dùng tay đánh vào mặt anh Q rồi cầm thùng xốp có chứa nước đá hắt vào người anh Q. Bà Út năn nỉ Đ tha cho anh Q và hứa trả nợ nên Đ cởi trói cho anh Q, thấy anh Q có thái độ thách thức nên Đ dùng tay đánh vào người anh Q, lúc này N cũng dùng tay đánh, dùng chân đá trúng vào người anh Q; Đ kêu anh Q viết giấy nợ, trong lúc anh Q viết thì N kêu viết luôn phần tiền thiếu của N, nội dung anh Q viết có thiếu nợ nhưng không ghi cụ thể nợ ai.

Sau khi anh Q viết xong giấy nợ thì N lấy giấy nợ và dẫn xe mô tô đi về nhà, khi đến cầu liên ấp M và Rạch Trắc thì N ném giấy nợ xuống kênh.

Đến ngày 02/02/2020, anh Q đến Công an thị xã C tố giác hành vi của Đ.

Giấy chứng nhận thương tích số 439/CN ngày 02/01/2020 của Bệnh viện đa khoa khu vực C ghi nhận thương tích của anh Lê Văn Q như sau: Tụ máu bầm

vùng chàm kích thước 03x04cm; Đau sưng nề vùng đỉnh đầu; Xâp xát vùng trán bên phải khoảng 04cm; Đau vùng thượng vị; Đau cánh tay (T).

Kết luận giám định pháp y về thương tích ngày 14/01/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Tiền Giang kết luận Lê Văn Q có những thương tích sau:

- Sẹo vết thương vùng trán phải.
- Sẹo vết thương trán phải sát chân tóc, hình chữ L.
- Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Lê Văn Q là 04 %.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 65/2020/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 157, Điều 38, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Phạm Phúc T phạm tội: “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Xử phạt bị cáo Phạm Phúc T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/01/2020 đến ngày 09/01/2020.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt của Phạm Thanh Đ, vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/10/2020, bị cáo Phạm Phúc T có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa Phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa cho rằng hành vi phạm tội của các bị cáo đã đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Khi xét xử tòa cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách N hình sự để quyết định hình phạt. Tại phiên tòa Phúc thẩm bị cáo không bổ S tình tiết giảm nhẹ nào mới, mức hình phạt mà tòa cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên không cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo. Đại viện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật tố tụng hình sự, xử giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2020/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận, biết bị cáo Phạm Văn Đ bắt giữ anh Lê Văn Q để buộc anh Q trả nợ nhưng vì cả nể bạn bè bị cáo vẫn tiếp tay với Đ không

chế, bắt giữ và chở anh Q về quán AND thuộc ấp M, xã M1, thị xã C để bị cáo Phạm Văn Đ đe dọa, ép buộc anh Q trả nợ.

Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm kết án bị cáo về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản c Điều 157 Bộ luật Hình sự là có cơ sở đúng pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xem thường pháp luật, bởi lẽ, Hiến pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã quy định các quyền cơ bản của con người: “ 1. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; 2. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Toà án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ T3 hợp phạm tội quả tang. Việc bắt, giam, giữ người do luật định”, thế nhưng trong vụ án này, chỉ vì cả nể bạn bè mà bị cáo đã tích cực giúp sức cho đồng bọn khống chế, bắt giữ, làm nhục bị hại trái với quy định pháp luật để đe dọa, ép buộc bị hại trả nợ, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xem thường pháp luật, đã xâm hại trực tiếp đến quyền riêng tư bất khả xâm của bị hại, được pháp luật bảo vệ. Đáng lý, khi thấy đồng bọn có hành vi phạm pháp, bị cáo tìm cách can ngăn, nhưng ngược lại bị cáo bất chấp tích cực giúp sức cho đồng bọn bắt giữ bị hại. Ngoài việc xâm phạm đến quyền riêng tư của bị hại, hành vi phạm tội của bị cáo còn ảnh hưởng rất xấu đến an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn, cho nên cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, phải cách ly ra khỏi xã hội mới có đủ tác dụng giáo dục và ngăn ngừa tái phạm.

[3] Về mức hình phạt, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét tính chất và mức độ nguy hiểm đối với xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và xử phạt các bị cáo với mức án nêu trên là phù hợp pháp luật, giai đoạn xét xử Phúc thẩm các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới nào để xem xét. Do đó, yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo không có căn cứ chấp nhận, nên cần giữ nguyên mức hình phạt như cấp sơ thẩm đã tuyên.

Về yêu cầu xin hưởng án treo, xét thấy, trong vụ án này tuy bị cáo không giữ vai trò chủ mưu nhưng tích cực thực hiện tội phạm, bất chấp pháp luật tại nơi công cộng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự tại địa phương nên không đủ điều kiện để hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên không có căn cứ chấp nhận.

- Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: bị cáo phải chịu án theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Bởi các lẽ trên;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phạm Phúc T

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 65/2020/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên bố bị cáo Phạm Phúc T phạm tội: “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 157, Điều 38, Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Phạm Phúc T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/01/2020 đến ngày 09/01/2020.

2. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự Phúc thẩm.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án Phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tiền Giang;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND thị xã C;
- VKSND thị xã C;
- Công an thị xã C;
- THADS thị xã C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Thái Dũng